TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 91/2020/HNGĐ-ST
Ngày 07-8-2020
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiền;

Ông Huỳnh Khắc Chung;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 279/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Thiều Thái N, sinh năm: 1986; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Chị Huỳnh Ngọc T, sinh năm: 1985; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 11/5/2020, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Thiều Thái N trình bày:

Do quen biết anh và chị Huỳnh Ngọc T tiến tới hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống vợ chồng thường hay cự cãi nhau, chị Huỳnh Ngọc T không chung thủy. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay.

Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Huỳnh Ngọc T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Thiều Huỳnh N, sinh ngày 08/6/2011, hiện đang sống với anh. Khi ly hôn, con chung anh yêu cầu được nuôi, không yêu cầu chị Huỳnh Ngọc T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Huỳnh Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Thiều Thái N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, bị đơn chị Huỳnh Ngọc T cư trú: Ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, tranh chấp ly hôn giữa anh Thiều Thái N và chị Huỳnh Ngọc T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Thiều Thái N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Thiều Thái N theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tòa án đã triệu tập, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn chị Huỳnh Ngọc T nhưng chị Huỳnh Ngọc T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Huỳnh Ngọc T.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, anh Thiều Thái N và chị Huỳnh Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/6/2009 tại

Quyển số 01/2009, đây là hôn nhân hợp pháp. Anh Thiều Thái N đề nghị Tòa án cho ly hôn vì cho rằng trong quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống vợ chồng thường hay cự cãi nhau, chị Huỳnh Ngọc T không chung thủy. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Khi anh Thiều Thái N có đơn xin ly hôn, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho chị Huỳnh Ngọc T nhưng chị Huỳnh Ngọc T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh Thiều Thái N, tại phiên tòa chị Huỳnh Ngọc T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Điều đó đã cho thấy chị Huỳnh Ngọc T đã không còn quan tâm đến hôn nhân giữa chị và anh Thiều Thái N. Xét thấy, tình cảm và đời sống chung của vợ chồng của anh Thiều Thái N và chị Huỳnh Ngọc T đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận cho anh Thiều Thái N được ly hôn với chị Huỳnh Ngọc T là phù hợp.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống anh Thiều Thái N và chị Huỳnh Ngọc T có 01 con chung tên Thiều Huỳnh N, sinh ngày 08/6/2011, hiện đang sống với anh anh Thiều Thái N. Khi ly hôn con chung anh anh Thiều Thái N yêu cầu được nuôi, không yêu cầu chị Huỳnh Ngọc T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện tại cháu Thiều Huỳnh N đang sống cùng anh Thiều Thái N, cuộc sống ổn định, sức khỏe tốt, hiện tại anh Thiều Thái N có công việc thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc tốt con chung. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 30/6/2020, cháu Thiều Huỳnh N trình bày ý kiến có nguyện vọng được sống cùng anh Thiều Thái N. Đối với chị Huỳnh Ngọc T từ khi vụ án thụ lý giải quyết cho đến khi xét xử cũng không có nguyện vọng được nuôi con chung. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất, học hành, sự phát triển về tinh thần, cũng như các quyền lợi khác của con chung nên tiếp tục giao cháu Thiều Huỳnh N cho anh Thiều Thái N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Huỳnh Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Thiều Thái N không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Thiều Thái N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Anh Thiều Thái N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Thiều Thái N được ly hôn với chị Huỳnh Ngọc T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Thiều Huỳnh N, sinh ngày 08/6/2011 cho anh Thiều Thái N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Huỳnh Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh Thiều Thái N không yêu cầu.

Chị Huỳnh Ngọc T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Anh Thiều Thái N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005503 ngày 09/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Kim Thúy